

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2024

“V/v Ly hôn với người mất tích”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.
2. Ông Trần Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Quang Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh N - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị X, sinh năm 1966 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ I, thôn S, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Trần Tuấn L, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ I, thôn S, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, bà Bùi Thị X trình bày: Bà và ông Trần Tuấn L có tình cảm và thương yêu nhau, có tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau vào đầu năm 1985 nhưng do không hiểu biết nên không đăng ký kết hôn theo quy định. C sống được một thời gian thì tính tình hai người không hợp nên tháng 6/1986 ông L đã bỏ nhà, bỏ địa phương đi cho đến nay. Sau thời gian tìm kiếm, liên lạc nhưng vẫn không biết tin tức nên bà X đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố ông L mất tích. Ngày 24-5-2024, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có Quyết định số 11/2024/QĐST-VDS về việc tuyên bố ông L mất tích. Nay, bà X yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà X xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà X và ông L có 01 con chung là Trần Ngọc V, sinh ngày 29/10/1985. Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Trần Tuấn L đã được Tòa án nhân dân huyện C tuyên bố mất tích theo Quyết định số 11/2024/QĐST-VDS ngày 24-5-2024 vì vậy không lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà X và ông L sống chung với nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 1985, không đăng ký kết hôn, nay bà X yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú cuối cùng của ông Trần Tuấn L là tổ I, thôn S, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Tuấn L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng ông L vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà X, ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Bùi Thị X xác nhận có sống chung với ông Trần Tuấn L vào năm 1985. Căn cứ vào Giấy khai sinh số 318/1985 ngày 16/12/1985 (bản sao số 833/GKS-BS cấp ngày 30/11/2023) của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho Trần Ngọc V thể hiện tên người mẹ là Bùi Thị X, tên người cha là Trần Tuấn L, như vậy bà X và ông L có sống chung trên thực tế năm 1985 và có con chung là Trần Ngọc V là có cơ sở.

Căn cứ vào Điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH09/6/2000 của Quốc Hội xác định “...quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn...trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.”; mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP03/01/2001 xác định “...trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của

Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung”. Như vậy, hôn nhân giữa bà X và ông L là hôn nhân thực tế, được pháp luật thừa nhận, bà X được quyền yêu cầu ly hôn với ông L.

Tại Quyết định số 11/2024/QĐST-VDS ngày 24-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện C tuyên bố ông Trần Tuấn L, sinh năm 1959 mất tích từ ngày năm 1986. Xét thấy, ông L là người bị Tòa án tuyên bố mất tích nên yêu cầu ly hôn của bà X thuộc trường hợp xin ly hôn với người mất tích do vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự xử cho bà X được ly hôn với ông L.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 318/1985 ngày 16/12/1985 (bản sao số 833/GKS-BS cấp ngày 30/11/2023) của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì bà X và ông L có 01 con chung là Trần Ngọc V, sinh ngày 29-10-1985. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà X không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà X phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH09/6/2000 của Quốc Hội và mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP03/01/2001.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị X về việc “Ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Cho bà Bùi Thị X được ly hôn với ông Trần Tuấn L.

2. Về con chung: Bà Bùi Thị X và ông Trần Tuấn L có 01 người con chung là Trần Ngọc V, sinh ngày 29-10-1985. Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị X phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà bà X đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001073 ngày 27 tháng 6 năm 2024; bà Bùi Thị X đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23-8-2024) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn này được

tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thị Tình